

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 468/2003/QĐ-BTM ngày 23/4/2003 về việc bổ sung Phụ lục 3 Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT).

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04/12/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 651/TTg ngày 10/10/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia Điều phối hoạt động của Việt Nam trong ASEAN;

Căn cứ Công văn số 356/VPUB ngày 22/01/1996 của Chính phủ về việc chỉ định cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định CEPT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Phụ lục 3 Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) ban hành kèm theo Quyết định số 416/TM-ĐB ngày 13 tháng 5 năm 1996 và

Quyết định bổ sung số 78/1998/QĐ-BTM ngày 30 tháng 7 năm 1998 của Bộ Thương mại như sau:

Phụ lục 3:

Điều 1. Hướng dẫn khai chứng nhận Mẫu D

*Nhóm 4:

a) Bổ sung mã số Ban quản lý các khu công nghiệp Quảng Ninh

Số 29 Ban quản lý các khu công nghiệp Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các quy định khác của Quy chế nói trên chưa được sửa đổi hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định khác và không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

MAI VĂN DẦU

BỘ XÂY DỰNG

THÔNG TƯ số 06/2003/TT-BXD ngày 14/4/2003 hướng dẫn lập và quản lý chi phí xây dựng công trình sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế.

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ; Nghị định số

07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Để thống nhất quản lý chi phí xây dựng công trình sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế, Bộ Xây dựng hướng dẫn nguyên tắc lập và quản lý chi phí xây dựng công trình như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn thống nhất việc lập và quản lý chi phí xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế thực hiện đấu thầu quốc tế tại Việt Nam.

2. Vốn của nhà tài trợ quốc tế trong Thông tư này là vốn thuộc các khoản vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn viện trợ quốc tế dành cho đầu tư phát triển (kể cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) được quản lý thống nhất theo Luật Ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp những hướng dẫn trong Thông tư này khác với quy định trong các điều ước quốc tế, hiệp định, văn bản mà Chính phủ hoặc Nhà nước Việt Nam đã ký kết với nhà tài trợ quốc tế thì thực hiện theo quy định trong các điều ước quốc tế, hiệp định, văn bản đã ký kết với nhà tài trợ quốc tế.

4. Việc lập các chi phí xây dựng công trình sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế thực hiện đấu thầu quốc tế tại Việt Nam phải tuân thủ các hướng dẫn trong Thông tư này nhằm bảo đảm quản lý chi phí xây dựng công trình đúng pháp luật.

II. LẬP CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế được hình thành từ nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế và nguồn vốn đối ứng huy động trong nước. Tổng mức đầu tư được tính toán và xác định trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và được ghi trong quyết định đầu tư dự án.

Việc sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế và vốn đối ứng huy động trong nước cho những phần việc, hạng mục hoặc gói thầu được tính toán và quy định cụ thể đối với từng dự án. Nội dung công trình tự phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có) tổng mức đầu tư của dự án thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Tổng dự toán công trình

Tất cả các công trình xây dựng sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế đều phải thực hiện việc lập tổng dự toán công trình và được quản lý theo quy định của Thông tư này.

Tổng dự toán công trình là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình và được tính toán ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật. Tổng dự toán công trình bao gồm chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn, chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư và phục hồi, chi phí khác, thuế và chi phí dự phòng.

Các khoản mục chi phí trong tổng dự toán

công trình được xác định theo nguyên tắc và phương pháp như sau:

2.1. Chi phí xây lắp:

Chi phí xây lắp trong tổng dự toán là chi phí cho việc thực hiện toàn bộ khối lượng công tác xây lắp của công trình. Khối lượng công tác xây lắp của công trình bao gồm:

- Khối lượng xây lắp của các hạng mục, gói thầu thực hiện đấu thầu quốc tế;
- Khối lượng xây lắp của các hạng mục, gói thầu thực hiện lựa chọn nhà thầu trong nước;
- Khối lượng xây lắp khác.

2.1.1. Đối với khối lượng công tác xây lắp thực hiện đấu thầu quốc tế thì chi phí xây lắp được xác định trên cơ sở khối lượng xây lắp theo thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế tương đương của nước của nhà tài trợ) và đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế. Việc lập các đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế được hướng dẫn tại mục 3 dưới đây. Trường hợp khối lượng không xác định được cụ thể bằng thiết kế hoặc những công việc có khối lượng nhỏ, lẻ thì khoán chi phí thực hiện trọn gói (lumpsum) trong dự toán, tổng dự toán.

2.1.2. Đối với khối lượng công tác xây lắp thực hiện lựa chọn nhà thầu trong nước thì chi phí xây lắp được xác định theo thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và đơn giá xây dựng cơ bản tại địa phương nơi xây dựng công trình.

2.1.3. Chi phí xây lắp khác: tùy theo tính chất cụ thể của từng công trình, chi phí xây lắp khác là chi phí cho các công trình phụ trợ và phục vụ thi công như lán trại, văn phòng tại hiện trường, điện, nước, thông tin, đường tạm phục vụ thi công, phòng thí nghiệm, trạm y tế, chi phí cho công tác đảm bảo giao thông, an toàn công trường, hoàn trả mặt bằng sau thi công, di chuyển thiết bị thi công... được xác định bằng phương pháp lập dự toán căn cứ theo yêu cầu cụ thể của từng công trình.

Chi phí xây lắp khác là một khoản mục độc lập thuộc chi phí xây lắp hoặc được phân bổ vào các hạng mục, gói thầu xây lắp.

2.2. Chi phí thiết bị:

Chi phí thiết bị (thiết bị mua từ nước ngoài và mua trong nước) được xác định theo số lượng từng loại thiết bị và giá trị cho 1 tấn hoặc loại thiết bị tương ứng. Giá trị thiết bị bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, bảo quản, thuế, phí, bảo hiểm và các chi phí khác (nếu có).

Đối với các thiết bị phi tiêu chuẩn sản xuất, gia công trong nước thì chi phí thiết bị xác định trên cơ sở khối lượng cần sản xuất, gia công và giá sản xuất, gia công cho 1 tấn hoặc cái thiết bị tương ứng và các chi phí khác như đã nói ở trên. Giá sản xuất, gia công thiết bị phi tiêu chuẩn được xác định theo quy định hiện hành.

Trường hợp khối lượng thiết bị cho dự án đã được đấu thầu thì chi phí thiết bị là giá ký kết hợp đồng và các chi phí khác (nếu có).

2.3. Chi phí tư vấn:

Chi phí tư vấn bao gồm chi phí cho những công việc do tư vấn nước ngoài và tư vấn trong nước thực hiện.

Đối với các công việc do tư vấn nước ngoài thực hiện, chi phí tư vấn xác định căn cứ trên dự toán được lập phù hợp với yêu cầu sử dụng tư vấn cho dự án, hướng dẫn sử dụng tư vấn của nhà tài trợ quốc tế và các quy định khác của Việt Nam. Trường hợp các công việc tư vấn do nước ngoài thực hiện đã được tổ chức đấu thầu thì chi phí tư vấn xác định theo giá trị hợp đồng tư vấn đã ký kết.

Đối với các công việc do tư vấn trong nước thực hiện thì chi phí tư vấn được tính bằng 1,2 lần định mức cho các công việc tư vấn đầu tư xây dựng tương tự theo quy định hiện hành. Đối với các công việc tư vấn chưa có quy định về định

mức chi phí sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2.4. Chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư và phục hồi:

Chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư và phục hồi bao gồm chi phí đền bù đất đai, hoa mầu, vật kiến trúc, chi phí di dời, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư hoặc đầu tư xây dựng khu tái định cư, hỗ trợ xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng (nếu có) và phục hồi nguyên trạng.

Các chi phí trên được xác định căn cứ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, các quy định trong điều ước quốc tế đã ký kết và các quy định, hướng dẫn khác của nhà tài trợ quốc tế.

2.5. Chi phí khác:

Đối với các chi phí khác liên quan tới việc sử dụng vốn của nhà tài trợ quốc tế như chi phí lập văn kiện dự án; chi phí thẩm định, bổ sung hoàn thiện văn kiện dự án, chi phí cho ban chuẩn bị dự án, chi phí trả lãi vay trong thời gian xây dựng, chi phí kiểm toán quốc tế, tăng cường thể chế, nâng cao nhận thức cộng đồng, phí bảo hiểm, phí bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng... nếu chưa có quy định về định mức chi phí của Nhà nước thì xác định theo thông lệ quốc tế, quy định, hướng dẫn của nhà tài trợ quốc tế hoặc xác định bằng phương pháp lập dự toán trình người có thẩm quyền phê duyệt. Các chi phí khác thuộc công trình được xác định theo hướng dẫn hiện hành của Nhà nước.

2.6. Thuế, phí:

Bao gồm các loại thuế và phí phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước, các quy định trong điều ước quốc tế đã ký kết và các quy định, hướng dẫn khác của nhà tài trợ quốc tế (nếu có).

2.7. Chi phí dự phòng:

Chi phí dự phòng dùng cho những phát sinh khối lượng, trượt giá và các trường hợp khác

không lường trước được trong thời gian xây dựng. Chi phí dự phòng bằng 10% tổng các khoản mục chi phí trong tổng dự toán. Đối với các dự án mà chi phí dự phòng trượt giá có cơ sở xác định hoặc đã được tính toán cụ thể thì chi phí dự phòng phát sinh khối lượng bằng 7%.

3. Đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế

Đơn giá xây lắp cho khối lượng xây lắp thực hiện đấu thầu quốc tế (sau đây gọi là đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế) bao gồm các thành phần chi phí: chi phí trực tiếp, chi phí chung và lợi nhuận của nhà thầu.

Nội dung và phương pháp xác định các thành phần chi phí trong đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế như sau:

3.1. Chi phí trực tiếp trong đơn giá gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công.

3.1.1. Chi phí vật liệu:

Chi phí vật liệu trong đơn giá được xác định căn cứ trên mức hao phí từng loại vật liệu và giá vật liệu xây dựng tương ứng đó.

Mức hao phí từng loại vật liệu căn cứ theo định mức dự toán hiện hành. Trường hợp chưa có quy định hoặc đã có nhưng mức hao phí đó chưa phù hợp với đặc điểm, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật của công trình thì căn cứ yêu cầu cụ thể của công trình để xác định.

Giá các loại vật liệu xây dựng không có trên thị trường trong nước phải nhập từ nước ngoài xác định theo giá thị trường các nước trong khu vực hoặc từ nước của nhà tài trợ quốc tế (nếu đã quy định trong điều ước quốc tế). Giá vật liệu xây dựng trong nước được xác định theo thông báo giá vật liệu xây dựng của cấp có thẩm quyền địa phương nơi xây dựng công trình. Các loại vật liệu xây dựng không có trong thông báo giá sẽ xác định theo giá thị trường tại thời điểm lập đơn giá hoặc giá hợp lý tương tự của các công trình khác

đã thực hiện. Giá vật liệu không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3.1.2. Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong đơn giá được xác định căn cứ trên mức hao phí lao động và tiền lương ngày công tương ứng.

Mức hao phí lao động là số lượng ngày công lao động (chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp) căn cứ theo định mức dự toán xây dựng cơ bản hiện hành. Đối với các công việc chưa có mức được quy định hoặc đã có nhưng mức hao phí đó chưa phù hợp với đặc điểm, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật của công trình thì căn cứ yêu cầu cụ thể của công trình để xác định.

Tiền lương ngày công bao gồm tiền lương cơ bản, các khoản phụ cấp có tính chất lương, các chi phí khoán trực tiếp cho người lao động và các chi phí đặc thù khác (nếu có) được xác định theo nguyên tắc sau: đối với các công việc cần sử dụng nhân công nước ngoài thì tiền lương ngày công được xác định căn cứ mặt bằng tiền lương các chức danh nhân công tương đương tại khu vực, đối với các công việc sử dụng nhân công trong nước thì tiền lương được xác định theo quy định hiện hành.

Trường hợp bảo đảm được các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 03/2001/NĐ-CP ngày 11/01/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/CP ngày 28/3/1997 của Chính phủ khi xác định tiền lương nhân công trong nước được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm theo quy định tại Thông tư số 04/2003/TT-BLĐTBXH ngày 17/02/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.1.3. Chi phí máy thi công:

Chi phí máy thi công trong đơn giá được xác định căn cứ trên số ca sử dụng máy thi công và giá ca máy thi công.

Số ca sử dụng máy thi công căn cứ theo định mức dự toán hiện hành.

Giá ca máy thi công xác định theo bảng giá dự toán ca máy và thiết bị xây dựng hiện hành trong nước. Những loại máy thi công đặc biệt cần nhập khẩu để phục vụ thi công công trình hoặc chưa có trong bảng giá dự toán ca máy và thiết bị xây dựng hiện hành thì lập giá ca máy theo phương pháp hiện hành của Nhà nước hoặc vận dụng giá thuê ca máy cùng loại trên thị trường (nếu có).

3.2. Chi phí chung:

Chi phí chung bao gồm các chi phí phục vụ cho hoạt động của nhà thầu trong quá trình chuẩn bị, thực hiện và kết thúc xây dựng công trình như chi phí bộ máy quản lý, phương tiện đi lại, thông tin liên lạc, văn phòng và trang bị văn phòng, chi phí phục vụ hoạt động văn phòng và các chi phí chung khác. Chi phí chung được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí trực tiếp trong đơn giá xây lắp theo quy định hiện hành.

3.3. Lợi nhuận của nhà thầu:

Lợi nhuận của nhà thầu được xác định bằng 6,0 % so với chi phí trực tiếp và chi phí chung.

4. Dự toán gói thầu đấu thầu quốc tế

4.1. Căn cứ theo kế hoạch đấu thầu của dự án, dự toán các gói thầu (tư vấn, thiết bị, xây lắp...) được lập dùng để xác định giá gói thầu hoặc làm căn cứ đánh giá các hồ sơ dự thầu. Trường hợp dự toán các gói thầu được lập khi chưa có tổng dự toán được phê duyệt thì khi lập tổng dự toán công trình vẫn phải thực hiện theo đúng quy định ở mục 2 Phần II nêu trên.

4.2. Tùy theo yêu cầu và phạm vi đấu thầu, dự toán gói thầu xây lắp chỉ bao gồm chi phí xây lắp hoặc bao gồm cả chi phí xây lắp và các chi phí khác được phân bổ theo từng gói thầu. Chi phí xây lắp (bao gồm cả chi phí dự phòng) của từng

gói thầu được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2.1 mục 2 Phần II nêu trên.

4.3. Đối với gói thầu công trình thực hiện đấu thầu theo hình thức hợp đồng thiết kế - cung ứng vật tư, thiết bị - xây dựng (gọi tắt là gói thầu EPC) thì giá trị gói thầu EPC trong tổng dự toán công trình được lập bao gồm một phần hoặc toàn bộ các chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí dự phòng, chi phí khác hoặc các chi phí khác được phân bổ (nếu có).

Việc quản lý chi phí hợp đồng EPC thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng.

III. QUẢN LÝ CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Định mức dự toán và đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế

1.1. Khi xây dựng đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế thì áp dụng hệ thống định mức dự toán hiện hành. Đối với các công việc xây lắp chưa có trong hệ thống định mức dự toán hiện hành, hoặc việc áp dụng định mức dự toán hiện hành không phù hợp cần sử dụng định mức, tiêu chuẩn của nước ngoài hoặc vận dụng các định mức phù hợp với đặc điểm công tác xây lắp công trình thì phải có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng.

1.2. Đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế do tư vấn thiết kế công trình lập cùng với tổng dự toán công trình. Đơn giá xây lắp đấu thầu quốc tế được chủ đầu tư kiểm tra về tính hợp lý và gửi kèm theo tổng dự toán khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, tổng dự toán. Cơ quan thẩm định tổng dự toán thực hiện kiểm tra sự phù hợp với các quy định hiện hành của các đơn giá xây lắp này.

2. Đồng tiền và tỷ giá trong tổng dự toán, dự toán công trình

Đồng tiền để lập, trình thẩm định và phê

duyet tổng dự toán là đồng tiền ghi trong Hiệp định tín dụng với nhà tài trợ quốc tế và tiền Đồng Việt Nam. Giá trị tổng dự toán được chuyển đổi về tiền Đồng Việt Nam (VND) hoặc tiền Đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá thời điểm trình thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán.

3. Điều chỉnh tổng dự toán công trình

3.1. Trong quá trình thực hiện dự án nếu có công việc, hạng mục công trình hoặc gói thầu cần bổ sung được người có thẩm quyền và nhà tài trợ quốc tế chấp thuận bằng văn bản thì chủ đầu tư phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung tổng dự toán, dự toán.

3.2. Giá trị tổng dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung nếu vượt quá 10% tổng dự toán đã phê duyệt (kể cả chi phí dự phòng sau khi đã thực hiện bù, trừ giá trị các hạng mục trong công trình) thì chủ đầu tư phải thực hiện phê duyệt lại tổng dự toán theo quy định hiện hành.

3.3. Giá trị tổng dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Trường hợp tổng dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định và thực hiện việc điều chỉnh tổng mức đầu tư trước khi điều chỉnh, bổ sung tổng dự toán.

4. Chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện dự án

4.1. Chủ đầu tư được thanh toán khối lượng phát sinh theo đúng quy định hiện hành và chịu trách nhiệm về việc này.

4.2. Đối với khối lượng phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký kết thì xác định theo đơn giá này. Trường hợp khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng đã ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chủ đầu tư phải lập đơn giá theo hướng dẫn trong Thông tư này và trình người có thẩm quyền chấp thuận. Trong khi chờ sự chấp

thuận của người có thẩm quyền thì chủ đầu tư được phép thanh toán cho nhà thầu tối đa bằng 70% giá trị dự toán theo đơn giá tạm tính đó. Việc thanh toán khối lượng phát sinh chưa có đơn giá thực hiện theo đơn giá đã được người có thẩm quyền chấp thuận.

5. Chi phí các hạng mục bổ sung mới của dự án

5.1. Đối với những hạng mục bổ sung mới của dự án nhưng vẫn do nhà thầu đang thi công công trình thực hiện thì chi phí những hạng mục này được xác định theo đơn giá công tác tương tự cùng loại có trong hợp đồng đã ký kết trước đó. Trường hợp không có đơn giá tương tự cùng loại trong hợp đồng đã ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì thực hiện như quy định tại khoản 4.2 mục 4 Phần III nêu trên.

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng của các hạng mục bổ sung mới này xác định theo quy định hiện hành.

5.2. Đối với những hạng mục bổ sung mới nhưng thực hiện đấu thầu hoặc chỉ định do nhà

thầu khác thực hiện thì đơn giá xây lắp cho các công việc thuộc hạng mục này thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này áp dụng thống nhất trong cả nước và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác thực hiện đấu thầu quốc tế tại Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng các quy định trong Thông tư này khi lập và quản lý chi phí xây dựng công trình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN HỒNG QUÂN

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng